

GRI 207: Thuế 2019

NGÀY HIỆU LỰC: NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2021

TIÊU CHUẨN THEO CHỦ ĐỀ

207

GRI 207: Thuế 2019

Tiêu chuẩn theo Chủ đề

Ngày Hiệu Lực

Tiêu chuẩn này có hiệu lực đối với báo cáo hoặc tài liệu khác được phát hành vào hoặc sau ngày 1 tháng 7 năm 2021.

Trách nhiệm

Tiêu chuẩn này được [Hội đồng Tiêu chuẩn Phát triển Bền vững Toàn cầu \(GSSB\)](#) ban hành. Vui lòng gửi mọi ý kiến phản hồi về Bộ Tiêu chuẩn GRI tới gssbsecretariat@globalreporting.org để GSSB xem xét.

Quy trình Hợp lệ

Tiêu chuẩn này được xây dựng vì lợi ích cộng đồng và phù hợp với các yêu cầu trong Quy trình Hợp lệ của GSSB. Tài liệu này được xây dựng dựa trên chuyên môn của nhiều bên liên quan, có tham khảo các văn kiện liên chính phủ có thẩm quyền và kỳ vọng phổ biến của các tổ chức về trách nhiệm xã hội, môi trường và kinh tế.

Trách Nhiệm Pháp Lý

Tài liệu này nhằm mục đích hỗ trợ việc báo cáo phát triển bền vững và đã được Hội đồng Tiêu chuẩn Phát triển Bền vững Toàn cầu (GSSB) xây dựng thông qua quy trình tham vấn đa bên độc đáo với sự tham gia của đại diện từ các tổ chức và người dùng thông tin báo cáo trên toàn thế giới. Trong khi Hội đồng Giám sát GRI, Ban Quản lý và GSSB khuyến khích mọi tổ chức sử dụng Bộ tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển Bền vững GRI (Bộ Tiêu chuẩn GRI) và các Diễn giải có liên quan, thì việc chuẩn bị và công bố các báo cáo dựa hoàn toàn hoặc một phần vào Bộ Tiêu chuẩn GRI và các Diễn giải có liên quan hoàn toàn là trách nhiệm của người lập báo cáo. Hội đồng Giám sát GRI, Ban Quản lý, GSSB và tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) Stichting không chịu trách nhiệm về bất kỳ hậu quả hoặc thiệt hại nào phát sinh trực tiếp hoặc gián tiếp từ việc sử dụng Bộ Tiêu chuẩn GRI và các Diễn giải có liên quan trong quá trình lập báo cáo hoặc việc sử dụng báo cáo dựa vào Bộ Tiêu chuẩn GRI và các Diễn giải có liên quan.

Thông báo về bản quyền và nhãn hiệu

Tài liệu này được tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) Stichting bảo vệ bản quyền. Được phép sao chép và phân phối tài liệu này để cung cấp thông tin và/hoặc sử dụng trong quá trình lập báo cáo phát triển bền vững mà không cần GRI cho phép trước khi thực hiện. Tuy nhiên, không được phép sao chép, lưu trữ, dịch hoặc chuyển giao tài liệu này hoặc bất kỳ trích đoạn nào từ tài liệu này dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào (điện tử, cơ học, photocopy, ghi âm hoặc cách khác) cho bất kỳ mục đích nào khác nếu không có văn bản cho phép của GRI trước khi thực hiện.

Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu, GRI và logo, GSSB và logo, cũng như Bộ tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển Bền vững GRI (Bộ Tiêu chuẩn GRI) và logo là các nhãn hiệu của tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) Stichting

© 2026 GRI. Bảo lưu mọi quyền.

ISBN 978-90-8866-131-0

Mục lục

Giới thiệu	4
1. Công bố thông tin quản lý chủ đề	7
Công bố thông tin 207-1 Phương pháp tiếp cận thuế	8
Công bố thông tin 207-2 Quản trị, kiểm soát và quản lý rủi ro về thuế	10
Công bố thông tin 207-3 Sự tham gia của bên liên quan và quản lý các mối quan ngại liên quan đến thuế	12
2. Công bố thông tin theo chủ đề	13
Công bố thông tin 207-4 Báo cáo theo từng quốc gia	13
Thuật ngữ	18
Tài liệu tham khảo	22

Giới thiệu

GRI 207: Thuế 2019 bao gồm các công bố thông tin để các tổ chức báo cáo về các tác động liên quan đến thuế và cách quản lý những tác động này. Các thông tin công bố hướng dẫn tổ chức cung cấp thông tin về cách quản lý thuế, cũng như thông tin về doanh thu, thuế và hoạt động kinh doanh theo từng quốc gia.

Tiêu chuẩn có cấu trúc như sau:

- **Phần 1** bao gồm ba công bố thông tin cung cấp thông tin về cách tổ chức quản lý các tác động liên quan đến thuế của mình.
- **Phần 2** bao gồm một công bố thông tin cung cấp thông tin về các tác động liên quan đến thuế của tổ chức.
- **Bảng thuật ngữ** bao gồm các thuật ngữ được định nghĩa với ý nghĩa cụ thể khi sử dụng trong Bộ Tiêu chuẩn GRI. Các thuật ngữ được gạch chân trong văn bản Bộ Tiêu chuẩn GRI và được liên kết đến định nghĩa
- **Tài liệu tham khảo** liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khảo khác được sử dụng trong quá trình xây dựng Tiêu chuẩn này

Nội dung còn lại của phần Giới thiệu trình bày bối cảnh của chủ đề, tổng quan về hệ thống Bộ Tiêu chuẩn GRI và thông tin bổ sung về cách sử dụng Tiêu chuẩn này.

Bối cảnh của chủ đề

Tiêu chuẩn này đề cập đến chủ đề thuế.

Thuế là nguồn thu quan trọng của chính phủ và đóng vai trò then chốt trong chính sách tài khóa cũng như sự ổn định kinh tế vĩ mô của các quốc gia.

Liên Hợp Quốc công nhận rằng thuế đóng vai trò thiết yếu trong việc đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG)¹. Thuế cũng là một cơ chế then chốt mà qua đó các tổ chức đóng góp vào nền kinh tế của các quốc gia nơi họ hoạt động.

Các khoản thuế do một tổ chức nộp phản ánh rằng khả năng sinh lợi phụ thuộc vào nhiều yếu tố bên ngoài tổ chức, bao gồm khả năng tiếp cận người lao động, thị trường, cơ sở hạ tầng và dịch vụ công, tài nguyên thiên nhiên và hệ thống hành chính công.

Các tổ chức có nghĩa vụ tuân thủ luật về thuế và chịu trách nhiệm trước các bên liên quan trong việc đáp ứng các kỳ vọng về hoạt động thuế hiệu quả. Nếu các tổ chức tìm cách giảm gánh nặng thuế tại một khu vực pháp lý, họ có thể làm giảm nguồn thu của chính phủ. Từ đó có thể làm giảm đầu tư vào cơ sở hạ tầng và dịch vụ công, tăng nợ công hoặc chuyển gánh nặng thuế sang những người nộp thuế khác.

Khi một tổ chức bị coi là trốn thuế, điều này cũng có thể ảnh hưởng tiêu cực đến việc tuân thủ thuế nói chung, bằng cách thúc đẩy các tổ chức khác tiến hành lập kế hoạch thuế một cách tích cực vì cho rằng nếu không làm như vậy, có thể họ sẽ rơi vào thế bất lợi cạnh tranh. Điều này có thể làm tăng chi phí gắn liền với công tác quản lý và thực thi thuế.

Việc báo cáo thuế công khai sẽ nâng cao tính minh bạch và xây dựng niềm tin cũng như uy tín trong hoạt động thuế của các tổ chức và trong hệ thống thuế. Điều này hỗ trợ các bên liên quan đưa ra đánh giá có cơ sở về nghĩa vụ thuế của tổ chức. Việc minh bạch về thuế cũng góp phần tạo điều kiện cho các cuộc tranh luận công khai và hỗ trợ xây dựng chính sách thuế mà xã hội mong muốn.

Báo cáo theo từng quốc gia

Báo cáo theo từng quốc gia nghĩa là cung cấp thông tin về tài chính, kinh tế và liên quan đến thuế cho từng khu vực pháp lý nơi tổ chức hoạt động. Điều này cho biết quy mô hoạt động và mức đóng góp thuế của tổ chức tại các khu vực pháp lý này.

Kết hợp với việc công bố thông tin về quản lý chủ đề, báo cáo theo từng quốc gia giúp làm rõ hơn các hoạt động thuế của tổ chức ở các khu vực pháp lý khác nhau. Điều này cũng giúp các bên liên quan nhận biết các rủi ro tiềm ẩn về uy tín và tài chính trong các hoạt động thuế của tổ chức.

¹ Nghị quyết của Liên Hợp Quốc (UN), *Biến đổi thế giới của chúng ta: Chương trình nghị sự 2030 vì Sự phát triển Bền vững*, năm 2015. (Xem thông tin cụ thể Chỉ tiêu 17.1: "Tăng cường huy động nguồn lực trong nước, bao gồm cả hình thức thông qua hỗ trợ quốc tế cho các quốc gia đang phát triển, nhằm nâng cao năng lực trong nước về thu thuế và các nguồn thu khác", thuộc Mục tiêu 17: "Tăng cường phương thức thực hiện và tái thúc đẩy quan hệ đối tác toàn cầu vì sự phát triển bền vững".)

Hệ thống của Bộ Tiêu chuẩn GRI

Tiêu chuẩn này là một phần của Bộ tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển Bền vững GRI (Bộ Tiêu chuẩn GRI). Bộ Tiêu chuẩn GRI hướng dẫn tổ chức báo cáo thông tin về các tác động đáng kể nhất của tổ chức đối với nền kinh tế, môi trường và con người, bao gồm cả tác động đến quyền con người cũng như cách tổ chức quản lý những tác động này.

Bộ tiêu chuẩn GRI có cấu trúc như một hệ thống các tiêu chuẩn tương quan với nhau, được sắp xếp thành ba phần: Tiêu chuẩn GRI Tổng thể, Tiêu chuẩn GRI theo Ngành và Tiêu chuẩn GRI theo Chủ đề (xem **Hình 1** trong Tiêu chuẩn này).

Tiêu chuẩn Tổng thể: GRI 1, GRI 2 và GRI 3

GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021 nêu rõ các yêu cầu mà tổ chức phải tuân thủ để báo cáo theo Bộ Tiêu chuẩn GRI. Tổ chức bắt đầu sử dụng Bộ Tiêu chuẩn GRI bằng cách tham khảo **GRI 1**.

GRI 2: Công bố thông tin Chung 2021 bao gồm các công bố thông tin mà tổ chức sử dụng để cung cấp thông tin về hoạt động báo cáo và các thông tin chi tiết khác của tổ chức, chẳng hạn như về hoạt động vận hành, công tác quản trị và các chính sách.

GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021 đưa ra hướng dẫn về cách xác định các chủ đề trọng yếu. Trong đó bao gồm cả các công bố thông tin mà tổ chức sử dụng để báo cáo thông tin về quy trình xác định các chủ đề trọng yếu, danh sách các chủ đề trọng yếu và cách tổ chức quản lý từng chủ đề.

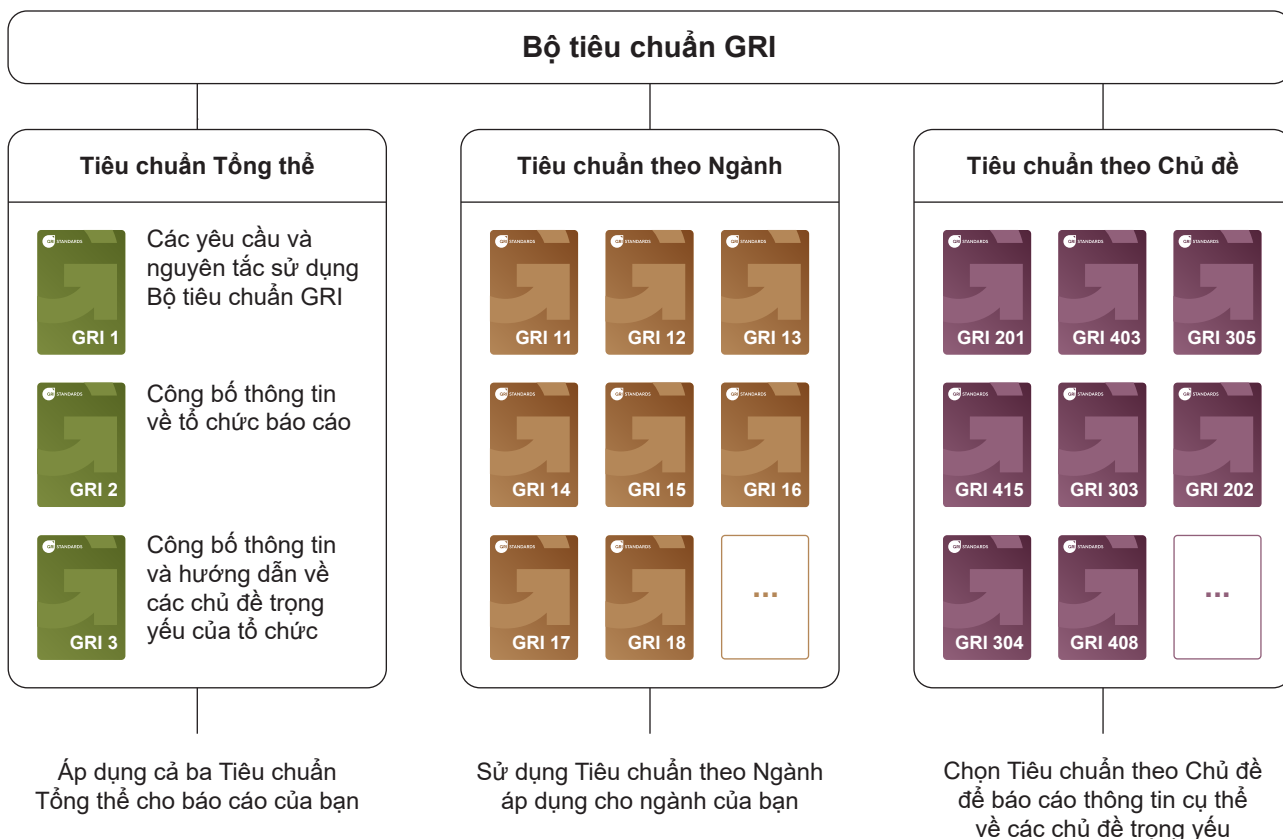
Tiêu chuẩn theo Ngành

Tiêu chuẩn theo Ngành cung cấp các thông tin cho tổ chức về những chủ đề có khả năng là trọng yếu đối với họ. Tổ chức sử dụng Tiêu chuẩn theo Ngành áp dụng cho các lĩnh vực của mình khi xác định các chủ đề trọng yếu và khi xác định nội dung báo cáo cho từng chủ đề trọng yếu.

Tiêu chuẩn theo Chủ đề

Tiêu chuẩn theo Chủ đề bao gồm các công bố thông tin mà tổ chức sử dụng để báo cáo thông tin về các tác động của mình liên quan đến các chủ đề cụ thể. Tổ chức sử dụng Tiêu chuẩn theo Chủ đề theo danh sách các chủ đề trọng yếu đã xác định thông qua **GRI 3**.

Hình 1. Bộ tiêu chuẩn GRI: Tiêu chuẩn Tổng thể, Tiêu chuẩn theo Ngành và Tiêu chuẩn theo Chủ đề



Sử dụng Tiêu chuẩn này

Tiêu chuẩn này có thể được sử dụng bởi bất kỳ tổ chức nào – bất kể quy mô, loại hình, ngành nghề, vị trí địa lý hoặc kinh nghiệm báo cáo – để công bố thông tin về các tác động liên quan đến thuế của tổ chức đó.

Tổ chức báo cáo theo Bộ Tiêu chuẩn GRI phải báo cáo các công bố thông tin sau nếu đã xác định thuế là một chủ đề trọng yếu:

- **Công bố thông tin 3-3 trong GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021** (xem điều khoản 1.1 trong Tiêu chuẩn này);
- Bất kỳ công bố thông tin nào thuộc Tiêu chuẩn theo Chủ đề này về các tác động liên quan đến thuế của tổ chức (Công bố thông tin 207-1 đến Công bố thông tin 207-4).

Xem **Các yêu cầu 4 và 5 trong GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021**.

Có thể đưa ra lý do để lược bỏ những công bố thông tin này.

Nếu không thể tuân thủ việc công bố thông tin hoặc yêu cầu trong việc công bố thông tin (ví dụ: vì thông tin cần công bố là thông tin bảo mật hoặc bị pháp luật cấm), tổ chức phải nêu rõ mục công bố thông tin hoặc yêu cầu mà tổ chức không thể tuân thủ và đưa ra lý do lược bỏ kèm theo lời giải thích trong chỉ mục nội dung GRI. Xem phần **Yêu cầu 6 trong GRI 1** để biết thêm thông tin về lý do lược bỏ.

Nếu không thể báo cáo thông tin bắt buộc về một mục được chỉ định trong công bố thông tin vì mục đó (ví dụ: ủy ban, chính sách, thông lệ, quy trình) không tồn tại, tổ chức có thể tuân thủ yêu cầu bằng cách báo cáo tình hướng thực tế đó. Tổ chức có thể giải thích lý do không có mục này hoặc trình bày bất kỳ kế hoạch nào để phát triển mục này. Việc công bố thông tin không yêu cầu tổ chức phải thực hiện mục đó (ví dụ: xây dựng chính sách) nhưng phải báo cáo mục đó không tồn tại.

Nếu có ý định công bố báo cáo phát triển bền vững độc lập, tổ chức không cần lặp lại thông tin đã công bố ở nơi khác, chẳng hạn như trên các trang web hoặc trong báo cáo thường niên. Trong trường hợp đó, tổ chức có thể báo cáo nội dung công bố thông tin bắt buộc bằng cách cung cấp tham chiếu trong chỉ mục nội dung GRI đến nơi có thể tìm thấy thông tin này (ví dụ: bằng cách cung cấp liên kết đến trang web hoặc trích dẫn trang trong báo cáo thường niên nơi thông tin đã được công bố).

Các yêu cầu, hướng dẫn và các thuật ngữ được định nghĩa

Những nội dung sau đây được áp dụng trong toàn bộ Tiêu chuẩn này:

Các yêu cầu bắt buộc được trình bày bằng phông **chữ in đậm** và được biểu thị bằng từ “cần phải”. Tổ chức phải tuân thủ các yêu cầu báo cáo theo Bộ Tiêu chuẩn GRI. Yêu cầu bắt buộc có thể kèm theo hướng dẫn.

Hướng dẫn bao gồm thông tin bối cảnh, giải thích và ví dụ để giúp tổ chức hiểu rõ hơn về các yêu cầu.

Tổ chức không bắt buộc phải tuân thủ hướng dẫn. Tiêu chuẩn cũng có thể bao gồm các khuyến nghị. Đây là những tình huống trong đó một hành động cụ thể được khuyến khích nhưng không bắt buộc phải thực hiện.

Từ “nên” biểu thị khuyến nghị, còn từ “có thể” biểu thị khả năng hoặc lựa chọn.

Các thuật ngữ được định nghĩa sẽ được gạch chân trong văn bản Bộ tiêu chuẩn GRI và được liên kết với định nghĩa tương ứng trong **Bảng thuật ngữ**. Tổ chức phải áp dụng những định nghĩa trong Bảng thuật ngữ.

1. Công bố thông tin quản lý chủ đề

Tổ chức báo cáo theo Bộ Tiêu chuẩn GRI phải báo cáo cách thức quản lý từng chủ đề trọng yếu.

Tổ chức xác định thuế là chủ đề trọng yếu phải báo cáo cách thức quản lý chủ đề này theo [Công bố thông tin 3-3 trong GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021](#) (xem điều khoản 1.1 trong phần này). Tổ chức cũng phải báo cáo mọi nội dung công bố thông tin trong phần này (Công bố thông tin 207-1 đến Công bố thông tin 207-3) về các tác động liên quan đến thuế của tổ chức đó.

Do đó, phần này được soạn thảo để bổ sung nhưng không thay thế [Công bố thông tin 3-3 trong GRI 3](#).

YÊU CẦU	1.1 Tổ chức báo cáo cần phải báo cáo cách thức quản lý thuế theo Công bố thông tin 3-3 trong GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021.
---------	--

Công bố thông tin 207-1 Phương pháp tiếp cận thuế

YÊU CẦU

Tổ chức báo cáo cần phải cung cấp những thông tin sau đây:

- a. **Bản mô tả phương pháp tiếp cận thuế, bao gồm thông tin về:**
 - i. việc tổ chức có chiến lược thuế hay không và nếu có thì cung cấp liên kết đến chiến lược này nếu công khai;
 - ii. cơ quan quản trị hoặc vị trí cấp điều hành trong tổ chức chịu trách nhiệm rà soát và phê duyệt chính thức chiến lược thuế, cũng như tần suất thực hiện duyệt xét;
 - iii. phương pháp tiếp cận việc tuân thủ quy định pháp luật;
 - iv. cách thức liên kết giữa phương pháp tiếp cận thuế và các chiến lược kinh doanh và phát triển bền vững của tổ chức.

HƯỚNG DẪN

Bối cảnh

Phương pháp tiếp cận thuế của một tổ chức phản ánh cách tổ chức đó cân bằng giữa việc tuân thủ nghĩa vụ thuế với các hoạt động kinh doanh, cũng như các kỳ vọng liên quan đến đạo đức, xã hội và phát triển bền vững. Phương pháp này có thể bao gồm các nguyên tắc thuế của tổ chức, thái độ đối với việc lập kế hoạch thuế, mức độ rủi ro mà tổ chức sẵn sàng chấp nhận, cũng như cách thức tổ chức tiếp cận và làm việc với các cơ quan thuế.

Phương pháp tiếp cận thuế của một tổ chức thường được diễn giải trong chiến lược thuế, hoặc trong các tài liệu tương đương như chính sách, tiêu chuẩn, nguyên tắc hoặc quy tắc ứng xử.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 207-1-a

Tổ chức báo cáo có thể minh họa phương pháp tiếp cận thuế bằng cách đưa ra các ví dụ từ hoạt động thuế của mình. Ví dụ: tổ chức có thể trình bày tổng quan về việc sử dụng các khu vực thuế ưu đãi, các loại ưu đãi thuế mà tổ chức áp dụng hoặc cách tiếp cận chuyển giá. Những ví dụ này giúp minh họa mức độ sẵn sàng chấp nhận rủi ro của tổ chức, hoạt động thuế được tổ chức đánh giá là phù hợp và không phù hợp, cũng như mức độ giám sát của cơ quan quản trị cao nhất.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 207-1-a-i

Nếu đã xây dựng chiến lược thuế nhưng chưa công khai, tổ chức có thể trình bày bản tóm tắt hoặc phần trích yếu của chiến lược đó.

Nếu có chiến lược thuế được áp dụng cho một số ít thực thể hoặc khu vực pháp lý thuế so với báo cáo tại Công bố thông tin 207-4, tổ chức có thể báo cáo chiến lược đó và liệt kê các thực thể hoặc khu vực pháp lý thuế áp dụng chiến lược đó.

Bên cạnh chiến lược tổng thể, nếu áp dụng các chiến lược thuế riêng cho từng thực thể hoặc khu vực pháp lý thuế, tổ chức có thể giải thích mọi điểm khác biệt có liên quan giữa các chiến lược này.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 207-1-a-iii

Khi trình bày phương pháp tiếp cận việc tuân thủ pháp luật, tổ chức có thể nêu rõ mọi nội dung trong chiến lược thuế hoặc tài liệu tương đương thể hiện quan điểm của mình đối với luật thuế ở các khu vực pháp lý nơi tổ chức hoạt động. Ví dụ: tổ chức có thể nêu rõ họ có cam kết tuân thủ cả nội dung và tinh thần của pháp luật hay không. Nghĩa là, tổ chức có thực hiện các hành động hợp lý để xác định và làm theo mục đích mà cơ quan lập pháp hướng đến hay không.²

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 207-1-a-iv

Khi trình bày mối liên hệ giữa phương pháp tiếp cận thuế và chiến lược kinh doanh của mình, tổ chức có thể nêu rõ việc lập kế hoạch thuế phù hợp với các hoạt động thương mại như thế nào. Tổ chức có thể đưa vào phần trình bày mọi tuyên bố có liên quan từ chiến lược thuế hoặc các

² Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), "Thuế", *Hướng dẫn của OECD dành cho Doanh nghiệp Đa quốc gia*, tr. 60–63, 2011.

tài liệu tương đương của tổ chức.

Khi trình bày về mối liên hệ giữa phương pháp tiếp cận thuế và chiến lược phát triển bền vững, tổ chức có thể giải thích các nội dung sau:

- Tổ chức có xem xét các tác động về kinh tế và xã hội của phương pháp tiếp cận thuế của mình khi xây dựng chiến lược thuế hay không.
- Mọi cam kết của tổ chức đối với phát triển bền vững tại các khu vực pháp lý nơi tổ chức hoạt động, và liệu phương pháp tiếp cận thuế của tổ chức có phù hợp với các cam kết đó hay không.

Công bố thông tin 207-2 Quản trị, kiểm soát và quản lý rủi ro về thuế

YÊU CẦU

Tổ chức báo cáo cần phải cung cấp những thông tin sau đây:

- a. Thông tin trình bày về khung quản trị và kiểm soát thuế, bao gồm:
 - i. cơ quan quản trị hoặc vị trí cấp điều hành trong tổ chức phụ trách việc tuân thủ chiến lược thuế;
 - ii. cách thức lồng ghép phương pháp tiếp cận thuế trong tổ chức;
 - iii. phương pháp tiếp cận rủi ro thuế, bao gồm cách thức xác định, quản lý và giám sát rủi ro;
 - iv. cách thức tổ chức đánh giá mức độ tuân thủ khung quản trị và kiểm soát thuế
- b. Trình bày các cơ chế bày tỏ mối quan ngại về đạo đức kinh doanh và tính liêm chính của tổ chức trong lĩnh vực thuế.
- c. Trình bày quy trình đảm bảo tính chính xác của các công bố thông tin về thuế, bao gồm liên kết hoặc tham chiếu (nếu có) đến (các) báo cáo hoặc tuyên bố đảm bảo từ bên ngoài tổ chức.

HƯỚNG DẪN

Bối cảnh

Sự hiện diện của các hệ thống quản trị, kiểm soát và quản lý rủi ro thuế vững chắc có thể cho thấy phương pháp tiếp cận thuế và chiến lược thuế đã báo cáo được lồng ghép hiệu quả trong tổ chức, đồng thời tổ chức đang giám sát tốt các nghĩa vụ tuân thủ của mình. Việc báo cáo những thông tin này sẽ khiến các bên liên quan tin tưởng rằng tổ chức đang thực hiện các hoạt động phù hợp với các tuyên bố của mình về phương pháp tiếp cận thuế hoặc các tài liệu tương đương.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 207-2-a

Khi trình bày về khung quản trị và kiểm soát thuế, tổ chức báo cáo có thể đưa ra ví dụ về việc triển khai hiệu quả hệ thống quản trị, kiểm soát và quản lý rủi ro thuế của mình.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 207-2-a-i

Nếu cơ quan quản trị cao nhất của tổ chức chịu trách nhiệm đảm bảo việc tuân thủ chiến lược thuế, tổ chức có thể nêu rõ mức độ giám sát của cơ quan quản trị cao nhất đối với việc tuân thủ đó. Tổ chức cũng có thể nêu rõ mọi trách nhiệm giải trình liên quan đến việc tuân thủ được giao cho các vị trí cấp điều hành trong tổ chức.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 207-2-a-ii

Trong quá trình báo cáo về cách thức lồng ghép phương pháp tiếp cận thuế trong tổ chức, tổ chức có thể trình bày các quy trình, dự án, chương trình hoặc sáng kiến hỗ trợ việc tuân thủ phương pháp tiếp cận và chiến lược thuế.

Một số ví dụ về các sáng kiến này bao gồm:

- đào tạo và hướng dẫn cho các nhân viên có liên quan về mối liên hệ giữa chiến lược thuế, chiến lược kinh doanh và phát triển bền vững;
- chế độ thù lao hoặc thưởng khuyến khích dành cho (những) người chịu trách nhiệm triển khai chiến lược thuế;
- lập kế hoạch nhân sự kế thừa cho các vị trí phụ trách thuế trong tổ chức;
- tham gia xây dựng và triển khai các sáng kiến minh bạch về thuế hoặc các hiệp hội đại diện nhằm xây dựng thông lệ tốt nhất về công bố thông tin thuế hoặc nâng cao nhận thức cho các bên liên quan về các vấn đề liên quan đến thuế.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 207-2-a-iii

Rủi ro thuế là các rủi ro liên quan đến hoạt động thuế của tổ chức, có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến mục tiêu của tổ chức hoặc dẫn đến thiệt hại về tài chính hoặc uy tín. Các rủi ro này bao gồm rủi ro tuân thủ hoặc các rủi ro liên quan đến các nghĩa vụ thuế không chắc chắn, những thay đổi về luật pháp hoặc nhận thức về các hoạt động giảm nợ thuế bằng mọi biện pháp.

Khi báo cáo về phương pháp tiếp cận rủi ro thuế, tổ chức có thể trình bày về mức độ chấp nhận và chịu đựng rủi ro của mình, đồng thời đưa ra các ví dụ về những hoạt động thuế mà tổ chức tránh thực hiện do không phù hợp với phương pháp tiếp cận và chiến lược thuế. Mức độ chấp nhận và chịu đựng rủi ro thể hiện mức độ rủi ro mà tổ chức sẵn sàng chấp nhận khi xác định các nghĩa vụ thuế của mình.

Khi báo cáo về cách thức xác định, quản lý và giám sát rủi ro thuế, tổ chức có thể:

- trình bày vai trò của cơ quan quản trị cao nhất của mình trong quá trình quản lý rủi ro thuế;
- trình bày cách phổ biến và lồng ghép quy trình quản lý rủi ro thuế trong toàn bộ tổ chức;
- tham chiếu đến các khung kiểm soát nội bộ hoặc các nguyên tắc quản lý rủi ro được chấp nhận chung mà tổ chức áp dụng cho công tác thuế.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 207-2-a-iv

Khi báo cáo về cách thức đánh giá việc tuân thủ khung quản trị và kiểm soát thuế, tổ chức có thể trình bày quy trình giám sát, kiểm tra và duy trì khung quản trị và kiểm soát thuế đó. Ví dụ cụ thể là việc phân công trách nhiệm cho kiểm toán viên nội bộ để tiến hành đánh giá hàng năm về việc tuân thủ khung quản trị và kiểm soát thuế của phòng thuế.

Tổ chức cũng có thể chỉ rõ mức độ giám sát của cơ quan quản trị cao nhất đối với việc thiết kế, thực hiện và đánh giá hiệu quả khung quản trị và kiểm soát thuế.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 207-2-b

Một ví dụ về cơ chế để cá nhân có thể bày tỏ mối quan ngại liên quan đến đạo đức kinh doanh của tổ chức, hoặc các hoạt động làm tổn hại đến tính liêm chính của tổ chức trong lĩnh vực thuế, đó là cơ chế báo cáo sai phạm.

Công bố thông tin 207-2-b có liên quan tới [Công bố thông tin 2-26 trong GRI 2: Công bố thông tin Chung 2021](#). Nếu thông tin mà tổ chức báo cáo trong mục Công bố thông tin 2-26 bao gồm các cơ chế được sử dụng để bày tỏ quan ngại về đạo đức kinh doanh của tổ chức liên quan đến thuế, tổ chức có thể dẫn chiếu đến thông tin đó.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 207-2-c

Công bố thông tin 207-2-c có liên quan tới [Công bố thông tin 2-5 trong GRI 2: Công bố thông tin Chung 2021](#). Nếu quy trình đảm bảo cho các công bố thông tin về thuế đã được thực hiện trong khung một quy trình đảm bảo khác, tổ chức có thể dẫn chiếu đến thông tin đó được báo cáo trong Công bố thông tin 2-5 hoặc công bố khác.

Công bố thông tin 207-3 Sự tham gia của bên liên quan và quản lý các mối quan ngại liên quan đến thuế

YÊU CẦU

Tổ chức báo cáo cần phải cung cấp những thông tin sau đây:

- a. Mô tả phương pháp tiếp cận để thu hút bên liên quan và quản lý các mối quan ngại của bên liên quan về thuế, bao gồm:
 - i. phương thức làm việc với các cơ quan thuế;
 - ii. phương pháp tiếp cận vận động chính sách công về thuế;
 - iii. quy trình thu thập và xem xét ý kiến cũng như mối quan ngại của các bên liên quan, bao gồm cả các bên liên quan bên ngoài.

HƯỚNG DẪN

Bối cảnh

Các hoạt động về thuế của tổ chức thu hút sự quan tâm của nhiều bên liên quan. Phương thức làm việc của tổ chức với các bên liên quan có thể ảnh hưởng đến danh tiếng và độ tin cậy của tổ chức. Trong đó bao gồm cách thức tổ chức làm việc với các cơ quan thuế trong quá trình xây dựng hệ thống thuế, pháp luật và công tác quản lý thuế.

Thông qua làm việc với các bên liên quan, tổ chức có thể nắm bắt được những yêu cầu về thuế không ngừng thay đổi. Việc này có thể giúp tổ chức hiểu rõ hơn về những thay đổi pháp lý có thể xảy ra trong tương lai và giúp tổ chức quản lý hiệu quả hơn các rủi ro cũng như tác động.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 207-3-a-i

Phương thức làm việc với các cơ quan thuế có thể bao gồm tham gia xây dựng các thỏa thuận tuân thủ hợp tác, tìm kiếm kiểm toán kịp thời và chủ động, xin phê duyệt cho tất cả các giao dịch quan trọng, trao đổi về rủi ro thuế và đàm phán các thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 207-3-a-ii

Khi báo cáo về phương pháp vận động chính sách công liên quan đến thuế, tổ chức báo cáo có thể trình bày:

- các hoạt động vận động chính sách liên quan đến thuế của tổ chức;
- quan điểm của tổ chức về các vấn đề quan trọng liên quan đến thuế mà tổ chức đề cập trong việc vận động chính sách công, cũng như mọi khác biệt giữa lập trường vận động và các chính sách, mục tiêu hoặc quan điểm công khai khác đã xác định của tổ chức;
- tổ chức có phải là thành viên hoặc có đóng góp cho bất kỳ hiệp hội đại diện hoặc ủy ban tham gia vận động chính sách thuế công nào hay không, bao gồm:
 - tính chất của hoạt động đóng góp này;
 - bất kỳ khác biệt nào giữa các chính sách, mục tiêu hoặc quan điểm công khai khác đã xác định của tổ chức về các vấn đề quan trọng liên quan đến thuế và lập trường của các hiệp hội đại diện hoặc ủy ban đó.

Công bố thông tin 207-3-a-ii liên quan đến các yêu cầu trong [GRI 415: Chính sách Công 2016](#). Nếu tổ chức xác định chính sách công là một chủ đề trọng yếu và đã báo cáo thông tin trong GRI 415 đề cập đến việc vận động chính sách công của tổ chức về thuế, thì tổ chức có thể dẫn chiếu đến thông tin đó.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 207-3-a-iii

Khi báo cáo về quy trình thu thập và xem xét ý kiến, mối quan ngại của các bên liên quan, tổ chức có thể trình bày cách thức các quy trình đó hỗ trợ các bên liên quan tham gia vào hoạt động tương tác này. Ngoài ra, tổ chức có thể đưa ra ví dụ về ảnh hưởng từ phản hồi của các bên liên quan đến phương pháp tiếp cận thuế, chiến lược thuế hoặc các hoạt động thuế của tổ chức.

2. Công bố thông tin theo chủ đề

Công bố thông tin 207-4 Báo cáo theo từng quốc gia

YÊU CẦU

Tổ chức báo cáo cần phải cung cấp những thông tin sau đây:

- a. Tất cả các khu vực pháp lý thuế nơi các thực thể có tên trong báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của tổ chức, hoặc trong các thông tin tài chính đã nộp và lưu trữ trong hồ sơ công khai, đều được coi là cư trú để phục vụ mục đích thuế.
- b. Đối với từng khu vực pháp lý thuế được báo cáo trong Công bố thông tin 207-4-a:
 - i. Tên của các thực thể cư trú;
 - ii. Các hoạt động chính của tổ chức;
 - iii. Số lượng nhân viên và căn cứ để tính số lượng này;
 - iv. Doanh thu từ bán hàng cho các bên thứ ba;
 - v. Doanh thu từ các giao dịch nội bộ trong tập đoàn với các khu vực pháp lý thuế khác;
 - vi. Lãi/lỗ trước thuế;
 - vii. Tài sản hữu hình, không bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền;
 - viii. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trên cơ sở thực thu thực chi;
 - ix. Thuế thu nhập doanh nghiệp trích lập trên lãi/lỗ;
 - x. Lý do có chênh lệch giữa thuế thu nhập doanh nghiệp trích lập trên lãi/lỗ và số thuế phải nộp nếu áp dụng mức thuế suất theo quy định lên lãi/lỗ trước thuế.
- c. Khoảng thời gian mà thông tin được báo cáo trong Công bố thông tin 207-4.

Các yêu cầu khi biên soạn

- 2.1 Khi biên soạn thông tin nêu trong Công bố thông tin 207-4, tổ chức báo cáo cần phải báo cáo thông tin trong khoảng thời gian được đề cập trong báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán gần nhất hoặc thông tin tài chính đã nộp và lưu trữ trong hồ sơ công khai. Nếu không có thông tin trong khoảng thời gian này, tổ chức có thể báo cáo thông tin trong khoảng thời gian được đề cập trong báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán, hoặc thông tin tài chính đã nộp và lưu trữ trong hồ sơ công khai, ngay trước báo cáo gần nhất.
- 2.2 Khi biên soạn thông tin nêu trong Công bố thông tin 207-4-b, tổ chức báo cáo cần phải:
 - 2.2.1 đối chiếu dữ liệu được báo cáo trong các mục Công bố thông tin 207-4-b-iv, vi, vii và viii với dữ liệu được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán hoặc thông tin tài chính đã nộp và lưu trữ trong hồ sơ công khai, trong khoảng thời gian được báo cáo trong Công bố thông tin 207-4-c. Trong trường hợp dữ liệu được báo cáo không khớp với các báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán hoặc thông tin tài chính đã nộp và lưu trữ trong hồ sơ công khai, tổ chức cần phải giải thích cho chênh lệch này;
 - 2.2.2 đối với Công bố thông tin 207-4-b-ix, bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp trích lập trong khoảng thời gian được báo cáo trong Công bố thông tin 207-4-c và loại trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cùng các khoản dự phòng cho các nghĩa vụ thuế không chắc chắn;

2.2.3 trong trường hợp một thực thể được coi là không cư trú tại bất kỳ khu vực pháp lý thuế nào, thì cung cấp thông tin riêng về thực thể không nơi cư trú này.

KHUYẾN NGHỊ

2.3 Tổ chức báo cáo nên báo cáo những thông tin sau đây đối với từng khu vực pháp lý thuế được báo cáo trong Công bố thông tin 207-4-a:

- 2.3.1 Tổng thù lao của nhân viên;
- 2.3.2 Thuế khấu trừ và nộp thay cho người lao động;
- 2.3.3 Thuế thu từ khách hàng thay cho cơ quan thuế;
- 2.3.4 Các loại thuế liên quan đến ngành và các khoản thuế hoặc thanh toán khác cho chính phủ;
- 2.3.5 Các nghĩa vụ thuế không chắc chắn đáng kể;
- 2.3.6 Số dư nợ nội bộ trong công ty của các thực thể trong khu vực pháp lý thuế, và căn cứ tính lãi suất trả trên khoản nợ đó.

HƯỚNG DẪN

Bối cảnh

Báo cáo theo từng quốc gia nghĩa là cung cấp thông tin tài chính, kinh tế và liên quan đến thuế cho từng khu vực pháp lý nơi tổ chức hoạt động.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 207-4-a

Trong bối cảnh của Tiêu chuẩn này, khu vực pháp lý thuế được xác định theo nơi các thực thể có tên trong báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của tổ chức, hoặc trong các thông tin tài chính đã nộp và lưu trữ trong hồ sơ công khai, được coi là cư trú để phục vụ mục đích thuế. Các thực thể này bao gồm cả các cơ sở thường trú và các thực thể không hoạt động.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 207-4-b

Trừ khi có quy định khác, phải báo cáo thông tin theo từng quốc gia ở cấp khu vực pháp lý thuế, không phải ở cấp thực thể riêng lẻ.

Số lượng nhân viên, doanh thu, lãi/lỗ trước thuế, và tài sản hữu hình, không bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền là các chỉ số phản ánh quy mô hoạt động của tổ chức trong một khu vực pháp lý thuế. Khi xem xét cùng với các thông tin bắt buộc và khuyến nghị khác, các chỉ số này có thể hỗ trợ đánh giá về mức thuế đang được nộp tại một khu vực pháp lý.

Ngoài các thông tin này, tổ chức có thể báo cáo bất kỳ thông tin nào khác có liên quan để hiểu rõ hơn về quy mô hoạt động của mình trong một khu vực pháp lý.

Nếu không thể cung cấp đầy đủ tất cả các thông tin bắt buộc đối với tất cả các khu vực pháp lý thuế được báo cáo trong Công bố thông tin 207-4-a, tổ chức báo cáo có thể đưa ra lý do để lược bỏ như quy định trong *GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021*. Tổ chức phải nêu rõ yêu cầu mà tổ chức không thể tuân thủ, đồng thời đưa ra lý do để lược bỏ và giải thích theo yêu cầu, như được quy định trong *GRI 1*. Xem phần *Yêu cầu 6 trong GRI 1* để biết thêm thông tin về lý do lược bỏ.

Nếu không thể thực hiện báo cáo đầy đủ cho một khu vực pháp lý thuế do tổ chức chỉ nắm giữ tỷ lệ cổ phần nhỏ hoặc là đối tác liên doanh không vận hành trong một thực thể, tổ chức có thể đưa ra lý do lược bỏ là “không có thông tin/thông tin không đầy đủ” và chỉ rõ cổ đông nắm giữ đa số cổ phần hoặc đối tác vận hành.

Tổ chức cũng có thể báo cáo bất kỳ thông tin nào cần thiết theo bối cảnh để hiểu cách tổng hợp dữ liệu, chẳng hạn như các tiêu chuẩn, phương pháp luận và giả định đã được sử dụng.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 207-4-b-i

Công bố thông tin 207-4-b-i yêu cầu tổ chức báo cáo danh sách các thực thể theo từng khu vực pháp lý thuế.

Nếu báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán và công khai của tổ chức hoặc thông tin tài chính đã nộp và lưu trữ trong hồ sơ công khai bao gồm danh sách tất cả các thực thể theo từng khu vực pháp lý thuế, thì tổ chức có thể dẫn chiếu đến thông tin này.

Khi báo cáo tên các thực thể cư trú tại một khu vực pháp lý thuế, tổ chức có thể chỉ rõ nếu có bất kỳ thực thể nào đang không hoạt động.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 207-4-b-ii

Khi báo cáo các hoạt động chính của mình trong một khu vực pháp lý thuế, tổ chức có thể mô tả khái quát sao cho người đọc báo cáo có thể dễ dàng xác định các hoạt động chính của tổ chức trong khu vực pháp lý đó, ví dụ như bán hàng, tiếp thị, sản xuất hoặc phân phối. Tổ chức không bắt buộc phải liệt kê các hoạt động của từng thực thể trong khu vực pháp lý đó.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 207-4-b-iii

Số lượng nhân viên có thể được báo cáo theo phương pháp tính toán phù hợp, chẳng hạn như tổng số nhân sự vào cuối khoảng thời gian được báo cáo trong Công bố thông tin 207-4-c hoặc tính toán số lượng nhân viên tương đương toàn thời gian (FTE). Để đảm bảo có khả năng so sánh, điều quan trọng là tổ chức phải áp dụng phương pháp này một cách nhất quán cho tất cả các khu vực pháp lý thuế cũng như trong các khoảng thời gian khác nhau.

Nếu tổ chức không thể báo cáo số liệu chính xác thì có thể làm tròn số lượng nhân viên đến hàng chục gần nhất, hoặc nếu số lượng nhân viên trên 1.000 thì làm tròn đến hàng trăm gần nhất.

Số lượng nhân viên là một chỉ số phản ánh quy mô hoạt động của tổ chức tại một khu vực pháp lý thuế. Ngoài số lượng nhân viên, tổ chức cũng có thể báo cáo số lượng người lao động (không bao gồm nhân viên) tham gia thực hiện các hoạt động của tổ chức, nếu thông tin đó giúp làm rõ hơn quy mô hoạt động của tổ chức trong khu vực pháp lý đó. Tổ chức cần đảm bảo báo cáo số lượng nhân viên và/hoặc người lao động một cách nhất quán ở tất cả các khu vực pháp lý cũng như trong các khoảng thời gian khác nhau.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 207-4-b-iv và 207-4-b-v

Những công bố thông tin này yêu cầu tổ chức phải báo cáo doanh thu từ bán hàng cho bên thứ ba tại từng khu vực pháp lý thuế, cũng như doanh thu phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa khu vực pháp lý đó với các khu vực pháp lý khác. Không bắt buộc phải báo cáo giao dịch nội bộ trong cùng một khu vực pháp lý thuế, nhưng tổ chức có thể báo cáo riêng thông tin này.

Giao dịch nội bộ giữa các khu vực pháp lý thuế có thể tác động đến cơ sở tính thuế của tổ chức ở những khu vực pháp lý liên quan đến các giao dịch đó. Giao dịch nội bộ trong cùng một khu vực pháp lý thuế không làm thay đổi cơ sở tính thuế của tổ chức tại khu vực pháp lý đó.

Do đó, doanh thu từ bán hàng cho bên thứ ba và giao dịch nội bộ với các khu vực pháp lý khác được coi là chỉ số phù hợp hơn để thể hiện quy mô hoạt động của tổ chức trong một khu vực pháp lý thuế, so với doanh thu tổng hợp. Doanh thu tổng hợp có thể dẫn đến việc tính hai lần doanh thu tại địa phương, từ đó có thể gây hiểu nhầm về quy mô hoạt động của tổ chức trong một khu vực pháp lý.

Tổ chức cũng có thể báo cáo các nguồn thu nhập khác, chẳng hạn như cổ tức, lãi và tiền tác quyền, nếu đó là thực tiễn thông thường trong lĩnh vực hoạt động của tổ chức.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 207-4-b-vi

Khi báo cáo lãi/lỗ trước thuế của một khu vực pháp lý thuế, tổ chức có thể tính toán lãi/lỗ hợp nhất trước thuế cho tất cả các thực thể cư trú tại khu vực pháp lý đó.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 207-4-b-vii

Khi báo cáo tài sản hữu hình tại một khu vực pháp lý thuế, tổ chức có thể tính toán tổng giá trị

sổ sách rỗng hợp nhất của tài sản hữu hình thuộc sở hữu của tất cả các thực thể cư trú trong khu vực pháp lý đó.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 207-4-b-viii

Khi báo cáo thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trên cơ sở thực thu thực chi cho một khu vực pháp lý thuế, tổ chức có thể tính tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế đã nộp trong khoảng thời gian được báo cáo tại Công bố thông tin 207-4-c của tất cả các thực thể cư trú trong khu vực pháp lý đó. Trong đó bao gồm cả các khoản thuế mà các thực thể nộp bằng tiền mặt cho khu vực pháp lý nơi cư trú cũng như cho tất cả các khu vực pháp lý khác (ví dụ: thuế khấu trừ tại nguồn phát sinh ở các khu vực pháp lý thuế khác).

Nếu khoản thuế đã nộp bao gồm số tiền thuế khấu trừ tại nguồn đáng kể, tổ chức có thể giải thích về vấn đề này. Trong trường hợp phát sinh thuế tại các khu vực pháp lý thuế khác, tổ chức có thể báo cáo riêng số tiền thuế đã nộp cho các khu vực pháp lý thuế khác đó và chỉ rõ các khu vực pháp lý nơi nộp thuế.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 207-4-b-x

Khi báo cáo lý do có chênh lệch giữa thuế thu nhập doanh nghiệp trích lập trên lãi/lỗ và số thuế phải nộp nếu áp dụng mức thuế suất theo quy định lên lãi/lỗ trước thuế, tổ chức có thể giải thích các mục làm rõ chênh lệch, ví dụ như các khoản giảm thu nhập phải chịu thuế, trợ cấp, ưu đãi hoặc bất kỳ quy định thuế đặc biệt nào giúp một thực thể được hưởng ưu đãi thuế.

Tổ chức có thể tổng hợp các mục giải thích thành một danh mục chung, chẳng hạn như “khác”, nếu tổng giá trị của các mục này không vượt quá 10% chênh lệch.

Tổ chức cũng có thể báo cáo ngày hết hạn, yêu cầu đầu tư và khả năng duy trì các khoản giảm thu nhập phải chịu thuế hoặc ưu đãi thuế trong dài hạn tại một khu vực pháp lý.

Ngoài việc giải thích một cách định tính theo yêu cầu của công bố thông tin này, tổ chức cũng có thể báo cáo bằng đối chiếu thuế doanh nghiệp dưới dạng số liệu định lượng.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 207-4-c và khoản 2.1

Tổ chức phải báo cáo thông tin theo lịch trình đều đặn và đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời để người dùng thông tin có thể ra quyết định (xem phần [Nguyên tắc Kịp thời trong GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021](#) để biết thêm thông tin). Tổ chức cũng nên báo cáo thông tin cho cùng kỳ báo cáo và công bố thông tin vào cùng thời điểm với báo cáo tài chính của mình, nếu có thể (xem [phần 5.1 trong GRI 1](#) để biết thêm thông tin). Tuy nhiên, có thể xảy ra trường hợp chỉ có được thông tin theo yêu cầu tại Công bố thông tin 207-4 để báo cáo vào một thời điểm sau đó.

Nếu không có thông tin theo yêu cầu tại Công bố thông tin 207-4 cho khoảng thời gian được đề cập trong báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán mới nhất hoặc thông tin tài chính đã nộp và lưu trữ trong hồ sơ công khai, tổ chức có thể báo cáo thông tin trong khoảng thời gian được đề cập trong báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán hoặc thông tin tài chính đã nộp và lưu trữ trong hồ sơ công khai ngay trước báo cáo gần nhất.

Nếu khoảng thời gian này khác với kỳ báo cáo, tổ chức có thể giải thích lý do.

Hướng dẫn cho điều khoản 2.2.1

Đối với mỗi công bố thông tin theo quy định tại điều khoản 2.2.1, dữ liệu được coi là đã được đối chiếu khi tổng của dữ liệu này cho tất cả các khu vực pháp lý thuế bằng với số liệu được báo cáo trong báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán hoặc trong thông tin tài chính đã nộp và lưu trữ trong hồ sơ công khai của tổ chức.

Hướng dẫn cho điều khoản 2.2.3

Khi báo cáo thông tin về các thực thể không có nơi cư trú, tổ chức cũng có thể bổ sung thông tin về khu vực pháp lý nơi thành lập của các thực thể đó.

Hướng dẫn cho điều khoản 2.3.1

Tổng thù lao của nhân viên trong một khu vực pháp lý thuế có thể phản ánh giá trị kinh doanh mà các thực thể trong khu vực pháp lý đó đóng góp cho tổ chức nói chung.

Tổng thù lao của nhân viên cũng được sử dụng làm căn cứ để tính các khoản thuế khấu trừ và nộp thay cho nhân viên, được đề cập trong điều khoản 2.3.2.

Hướng dẫn cho điều khoản 2.3.2

Thuế khấu trừ và nộp thay cho nhân viên là các khoản thuế do tổ chức trích từ thù lao của nhân viên để nộp cho cơ quan thuế. Những khoản này có thể bao gồm thuế thu nhập, thuế lương và tiền nộp cho bảo hiểm xã hội.

Hướng dẫn cho điều khoản 2.3.3

Thuế thu từ khách hàng được hiểu là các loại thuế và phí được tính và thu trên hoạt động bán một số sản phẩm và dịch vụ nhất định. Các khoản này do tổ chức thay mặt khách hàng nộp cho cơ quan thuế.

Hướng dẫn cho điều khoản 2.3.4

Ví dụ về các loại thuế liên quan đến ngành và các khoản thuế hoặc thanh toán khác cho chính phủ bao gồm:

- các loại thuế theo ngành (ví dụ: thuế năng lượng, thuế hàng không);
- thuế tài sản (ví dụ: thuế đất);
- thuế sản phẩm (ví dụ: thuế hải quan, thuế rượu bia và thuốc lá);
- các loại thuế và phí tính vào việc cung ứng, sử dụng hoặc tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ được xem là gây tác động xấu đến môi trường (ví dụ: thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xe cơ giới).

Hướng dẫn cho điều khoản 2.3.5

Khi báo cáo các nghĩa vụ thuế không chắc chắn đáng kể tại một khu vực pháp lý thuế, tổ chức có thể báo cáo giá trị của các nghĩa vụ thuế đó theo báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán hoặc theo thông tin tài chính đã nộp và lưu trữ trong hồ sơ công khai.

Tổ chức có thể trình bày về các nghĩa vụ thuế chưa được thống nhất với cơ quan thuế có thẩm quyền tại thời điểm kết thúc khoảng thời gian được báo cáo theo Công bố thông tin 207-4-c. Nội dung trình bày có thể nêu rõ tính chất bất đồng và nguyên nhân dẫn đến bất kỳ thay đổi nào về các nghĩa vụ thuế trong khoảng thời gian đó, nếu có.

Thuật ngữ

Bảng thuật ngữ này trình bày định nghĩa của các thuật ngữ được sử dụng trong Tiêu chuẩn này. Tổ chức phải áp dụng những định nghĩa này khi sử dụng Bộ Tiêu chuẩn GRI.

Các định nghĩa trong danh mục thuật ngữ này có thể chứa các thuật ngữ được định nghĩa chi tiết hơn trong [Bảng Thuật ngữ đầy đủ của Bộ Tiêu chuẩn GRI](#). Tất cả các thuật ngữ có định nghĩa đều được gạch chân. Trường hợp một thuật ngữ chưa được định nghĩa trong Bảng Thuật ngữ này hoặc trong [Bảng Thuật ngữ đầy đủ của Bộ Tiêu chuẩn GRI](#), các định nghĩa được sử dụng và hiểu phổ biến sẽ được áp dụng.

B

bên liên quan (stakeholder)

cá nhân hoặc nhóm có lợi ích bị ảnh hưởng hoặc có thể bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của tổ chức

Nguồn: Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Hướng dẫn *Thẩm định về Hành vi Kinh doanh có Trách nhiệm của OECD*, 2018; đã sửa đổi

Ví dụ: đối tác kinh doanh, tổ chức xã hội dân sự, người tiêu dùng, khách hàng, nhân viên và người lao động khác, chính phủ, cộng đồng địa phương, tổ chức phi chính phủ, cổ đông và nhà đầu tư khác, nhà cung cấp, công đoàn, nhóm dễ bị tổn thương

Lưu ý: Hãy xem [mục 2.4 trong GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021](#) để biết thêm thông tin về “bên liên quan”.

C

chủ đề trọng yếu (material topics)

Các chủ đề phản ánh những tác động đáng kể nhất của tổ chức đến kinh tế, môi trường và con người, bao gồm cả các tác động đến quyền con người của họ

Lưu ý: Hãy xem [mục 2.2 trong GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021](#) và [phần 1 trong GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021](#) để biết thêm thông tin về “chủ đề trọng yếu”.

chuỗi cung ứng (supply chain)

phạm vi hoạt động được thực hiện bởi các thực thể thượng nguồn của tổ chức, cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ được sử dụng trong quá trình phát triển các sản phẩm hoặc dịch vụ của chính tổ chức

chuỗi giá trị (value chain)

phạm vi các hoạt động do tổ chức cũng như các thực thể thượng nguồn và hạ nguồn của tổ chức thực hiện, để đưa các sản phẩm hoặc dịch vụ của tổ chức từ khi hình thành ý tưởng đến giai đoạn sử dụng cuối cùng

cơ quan quản trị (governance body)

nhóm chính thức gồm những người chịu trách nhiệm về định hướng chiến lược của tổ chức, giám sát hiệu quả hoạt động quản lý và trách nhiệm giải trình của cấp quản lý đối với toàn bộ tổ chức và các bên liên quan

cơ quan quản trị cao nhất (highest governance body)

cơ quan quản trị có thẩm quyền cao nhất trong tổ chức

Lưu ý: Ở một số khu vực pháp lý, hệ thống quản trị bao gồm hai cấp, trong đó chức năng giám sát và điều hành được tách biệt, hoặc pháp luật địa phương quy định việc thành lập ban kiểm soát gồm các thành viên không điều hành để giám sát ban điều hành. Trong những trường hợp đó, định nghĩa về cơ quan quản trị cao nhất sẽ bao hàm cả hai cấp.

cộng đồng địa phương (local community)

những người hoặc nhóm người sống hoặc làm việc trong bất kỳ khu vực nào bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của tổ chức

Lưu ý: cộng đồng địa phương có thể bao gồm cả những người sống bên cạnh và những người sống xa nơi hoạt động của tổ chức.

D**đối tác kinh doanh (business partner)**

thực thể mà tổ chức có một số hình thức hợp tác trực tiếp và chính thức nhằm mục đích đạt được các mục tiêu kinh doanh của mình

Nguồn: Shift và Mazars LLP, *Khung Báo cáo theo Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên hợp quốc*, 2015; đã sửa đổi

Ví dụ: các đơn vị liên kết khách hàng doanh nghiệp, khách hàng, nhà cung cấp cấp một, đơn vị nhượng quyền, đối tác liên doanh, và các công ty đầu tư mà tổ chức có cổ phần

Lưu ý: Đối tác kinh doanh không bao gồm các công ty con và đơn vị liên kết mà tổ chức kiểm soát.

K**khu vực pháp lý thuế (tax jurisdiction)**

bao gồm quốc gia hoặc vùng lãnh thổ có quyền tự chủ trong việc đánh thuế tương đương với một quốc gia

Lưu ý 1: Các lãnh thổ có quyền đánh thuế tự chủ tương tự như một quốc gia là những lãnh thổ có mức độ tự chủ đủ để có thể tham gia vào Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) và Công ước Đa phương về Hỗ trợ Hành chính Lẫn nhau trong các Vấn đề Thuế của Hội đồng Châu Âu. Ví dụ về những vùng lãnh thổ như vậy gồm có Bermuda, Hồng Kông và Jersey.

Lưu ý 2: Định nghĩa về khu vực pháp lý thuế bao gồm cả các quốc gia hoặc vùng lãnh thổ chọn không thực thi quyền tự chủ tài khóa để đánh thuế.

kỳ báo cáo (reporting period)

khoảng thời gian cụ thể mà các thông tin trong báo cáo đề cập đến

Ví dụ: năm tài chính, năm dương lịch

L**lương cơ bản (basic salary)**

số tiền cố định tối thiểu trả cho một nhân viên để làm việc

Lưu ý: Lương cơ bản không bao gồm bất kỳ khoản thù lao bổ sung nào, ví dụ như các khoản trả cho thời gian làm việc ngoài giờ hoặc tiền thưởng.

M**mức độ nghiêm trọng (của một tác động) (severity (of an impact))**

Mức độ nghiêm trọng của một tác động tiêu cực thực tế hoặc tiềm ẩn được xác định dựa trên quy mô (mức độ trầm trọng của tác động), phạm vi (mức độ lan rộng của tác động) và tính không thể khắc phục (mức độ khó khăn trong việc khắc phục hoặc bù đắp thiệt hại do tác động gây ra).

Nguồn: Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Hướng dẫn Thẩm định về Hành vi Kinh doanh có Trách nhiệm của OECD*, 2018; đã sửa đổi
Liên hợp quốc (LHQ), *Trách nhiệm Tôn trọng Quyền Con người của Doanh nghiệp: Hướng dẫn Diễn giải*, 2012; đã sửa đổi

Lưu ý: Hãy xem [mục 1 trong GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021](#) để biết thêm thông tin về “mức độ nghiêm trọng”.

N**Người Bản địa (Indigenous Peoples)**

Người Bản địa thường được xác định là:

- người thuộc dân tộc thiểu số ở các quốc gia độc lập mà tình trạng kinh tế, văn hóa và xã hội của họ làm cho họ khác biệt với các bộ phận khác của cộng đồng quốc gia, và tình trạng của họ được quy định toàn bộ hoặc một phần bởi các tập quán hoặc truyền thống riêng của họ hoặc bởi các quy định hay luật đặc biệt;
- người ở các quốc gia độc lập được coi là người bản địa do xuất thân từ các quần thể sinh sống ở quốc gia hoặc khu vực địa lý thuộc quốc gia đó, tại thời điểm bị xâm lược hoặc thực dân hóa hoặc hình thành biên giới quốc gia hiện nay và là những người, bất kể tình trạng pháp lý, vẫn duy trì một số hoặc tất cả các hình thái tổ chức xã hội, kinh tế, văn hóa và chính trị riêng.

Nguồn: Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Công ước về các Dân tộc và Bộ lạc Bản địa*, 1989 (Số 169)

người lao động (worker)

người thực hiện công việc cho tổ chức

Ví dụ: nhân viên, nhân viên đại lý, người học nghề, nhà thầu, người lao động làm việc tại nhà, thực tập sinh, người tự kinh doanh, nhà thầu phụ, tình nguyện viên và những người làm việc cho các tổ chức không phải là tổ chức báo cáo, ví dụ như làm việc cho nhà cung cấp

Lưu ý: Trong Tiêu chuẩn GRI, một số trường hợp sẽ quy định rõ có cần sử dụng một nhóm người lao động cụ thể hay không.

nhân viên (employee)

cá nhân có mối quan hệ việc làm với tổ chức, theo thông lệ hoặc luật pháp quốc gia

nhà cung cấp (supplier)

thực thể thượng nguồn của tổ chức (tức là trong chuỗi cung ứng của tổ chức), cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ được sử dụng trong quá trình phát triển các sản phẩm hoặc dịch vụ của chính tổ chức

Ví dụ: nhà môi giới, nhà tư vấn, nhà thầu, nhà phân phối, bên nhận nhượng quyền thương mại, người lao động làm việc tại nhà, nhà thầu độc lập, người được cấp phép, nhà sản xuất, nhà sản xuất nguyên liệu thô, nhà thầu phụ, đại lý bán buôn

Lưu ý: Nhà cung cấp có thể có quan hệ kinh doanh trực tiếp với tổ chức (thường được gọi là nhà cung cấp cấp một) hoặc quan hệ kinh doanh gián tiếp.

nhóm dễ bị tổn thương (vulnerable group)

nhóm những người có điều kiện hoặc đặc điểm cụ thể (ví dụ: kinh tế, thể chất, chính trị, xã hội) có thể phải chịu tác động tiêu cực do các hoạt động của tổ chức ở mức độ nghiêm trọng hơn so với dân số nói chung

Ví dụ trẻ em và thanh thiếu niên; người cao tuổi; cựu chiến binh; hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; người bảo vệ quyền con người; Người Bản địa; người buộc phải di cư trong nước; người lao động di cư và gia đình của họ; các nhóm thiểu số theo quốc gia hoặc dân tộc, tôn giáo và ngôn ngữ; những người có thể bị phân biệt đối xử dựa vào khuynh hướng tính dục, bản dạng giới, biểu hiện giới hoặc đặc điểm giới tính của họ (ví dụ: người đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính, chuyển giới, liên giới tính); người khuyết tật; người tị nạn hoặc người tị nạn hồi hương; phụ nữ

Lưu ý: Tính chất dễ bị tổn thương và các tác động có thể khác nhau theo giới tính.

P**phát triển bền vững/tính bền vững (sustainable development / sustainability)**

sự phát triển đáp ứng nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai

Nguồn: Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển, *Tương lai Chung của Chúng ta*, 1987

Lưu ý: Trong Tiêu chuẩn GRI, thuật ngữ “tính bền vững” và “phát triển bền vững” được dùng thay thế cho nhau.

Q**quyền con người (human rights)**

các quyền vốn có của tất cả con người, trong đó tối thiểu bao gồm các quyền được nêu trong *Tuyên ngôn Quốc tế về Quyền Con người của Liên hợp quốc (UN)* và các nguyên tắc liên quan đến các quyền cơ bản được nêu trong Tuyên bố về các Nguyên tắc và Quyền Cơ bản tại Nơi làm việc của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO)

Nguồn: Liên hợp quốc (UN), *Nguyên tắc Hướng dẫn về Kinh doanh và Quyền Con người: Thực hiện Khung “Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục” của Liên hợp quốc*, 2011; đã sửa đổi

Lưu ý: Xem [Hướng dẫn 2-23-b-i trong GRI 2: Công bố Chung 2021](#) để biết thêm thông tin về “quyền con người”.

quan hệ kinh doanh (business relationships)

mối quan hệ giữa tổ chức với các đối tác kinh doanh, với các thực thể trong chuỗi giá trị của mình

bao gồm cả những thực thể ngoài các nhà cung cấp cấp một và với bất kỳ thực thể nào khác có liên quan trực tiếp đến hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của tổ chức

Nguồn: Liên hợp quốc (UN), *Nguyên tắc Hướng dẫn về Kinh doanh và Quyền Con người: Thực hiện Khung “Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục” của Liên hợp quốc*, 2011; đã sửa đổi

Lưu ý: Ví dụ về các bên khác có liên quan trực tiếp đến hoạt động, sản phẩm, hoặc dịch vụ của tổ chức bao gồm: một tổ chức phi chính phủ mà tổ chức phối hợp để thực hiện các hoạt động hỗ trợ cộng đồng địa phương hoặc các lực lượng an ninh nhà nước thực hiện nhiệm vụ bảo vệ cơ sở vật chất của tổ chức.

T

tác động (impact)

ảnh hưởng đã có hoặc có thể có của một tổ chức đối với kinh tế, môi trường và con người, bao gồm cả nhân quyền của họ; các tác động này phản ánh mức độ đóng góp (tích cực hoặc tiêu cực) của tổ chức đối với phát triển bền vững

Lưu ý 1: Tác động có thể là tác động đã xảy ra hoặc có thể xảy ra, tích cực hoặc tiêu cực, ngắn hạn hoặc dài hạn, có chủ định hoặc không chủ định và có thể đảo ngược hoặc không thể đảo ngược.

Lưu ý 2: Hãy xem [mục 2.1 trong GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021](#) để biết thêm thông tin về “tác động”.

thù lao (remuneration)

lương cơ bản cộng thêm các khoản bổ sung trả cho người lao động

Lưu ý: Ví dụ về các khoản chi trả bổ sung cho người lao động có thể bao gồm: các khoản dựa trên thâm niên làm việc; tiền thưởng bằng tiền mặt hoặc cổ phần như cổ phiếu; các khoản phúc lợi; phụ cấp ngoài giờ; thời gian còn nợ và bất kỳ khoản phụ cấp bổ sung khác như phụ cấp đi lại, sinh hoạt và chăm sóc trẻ em.

trẻ em (child)

người dưới 15 tuổi hoặc dưới độ tuổi hoàn thành chương trình giáo dục bắt buộc, tùy theo mức nào cao hơn

Lưu ý 1: Có thể có ngoại lệ ở một số nước có nền kinh tế và cơ sở giáo dục chưa hoàn thiện và có thể áp dụng độ tuổi tối thiểu là 14. Những quốc gia ngoại lệ này được Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) xác định, dựa trên đơn đề nghị đặc biệt của quốc gia có liên quan và sau khi tham vấn ý kiến của các tổ chức đại diện cho người sử dụng lao động và người lao động.

Lưu ý 2: *Công ước về Tuổi Lao động Tối thiểu của ILO*, 1973 (Số 138), đề cập đến cả lao động trẻ em và người lao động vị thành niên.

Tài liệu tham khảo

Phần này liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao được sử dụng trong quá trình xây dựng Tiêu chuẩn này.

Các văn kiện có giá trị tham chiếu:

1. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Tuân thủ Thuế Hợp tác xã: Xây dựng Khung Kiểm soát Thuế Tốt hơn*, năm 2016.
2. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Hướng dẫn của OECD cho các Doanh nghiệp Đa quốc gia*, năm 2011.
3. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Tài liệu Chuyển giá và Báo cáo theo Quốc gia, Hành động 13 - Báo cáo Cuối cùng năm 2015*, Dự án Chống Xói mòn Cơ sở Thuế và Chuyển Lợi nhuận của OECD/G20, năm 2015.
4. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) và Hội đồng Châu Âu, *Công ước Đa phương về Hỗ trợ Hành chính lẫn nhau trong các Vấn đề Thuế: Sửa đổi theo Nghị định thư 2010*, năm 2011.
5. Nghị quyết của Liên Hợp Quốc (UN), *Biến đổi thế giới của chúng ta: Chương trình nghị sự 2030 vì Sự phát triển Bền vững*, năm 2015.

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

6. Tổ chức Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS), *IAS 12 Thuế Thu nhập*, năm 2016.
7. Tổ chức Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS), *IFRS 12 Công bố thông tin về Lãi trong các Thực thể Khác*, năm 2019.



PO Box 10039
1001 EA Amsterdam
The Netherlands

www.globalreporting.org